

Bản án số: 79/2022/HS-PT

Ngày 16 – 02 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 552/2021/TLPT-HS ngày 17 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Dương Văn S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2021/HS-ST ngày 08/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Bị cáo có kháng cáo: Dương Văn S, sinh năm 1957, tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: kinh doanh vật liệu xây dựng; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn M (đã chết) và bà Phan Thị L (đã chết); có vợ tên Nguyễn Thị S1, sinh năm 1960 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1988; tiền án: không;

Tiền sự: Bị Công an huyện TC, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng theo Quyết định xử phạt số: 205/QĐ-XPHC ngày 18/12/2019 về hành vi khai thác khoáng sản không có giấy phép;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 02/02/2021 cho đến nay, (*vắng mặt*).

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn S:* Ông Nguyễn Văn L1 – Luật sư làm việc tại Công ty Luật TNHH MTV TP, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (*có mặt*).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 08 (tám) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 18/12/2019, Dương Văn S bị xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.000.000 đồng về hành vi vi phạm hành chính khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo Quyết định số: 205/QĐ-XPHC ngày 18/12/2019 của Công an huyện TC, tỉnh Trà Vinh. Sau khi bị xử phạt vi phạm hành chính, Dương Văn S thống nhất theo nội dung quyết định xử phạt, không khiếu nại và đã chấp hành nộp phạt vào ngày 08/01/2020.

Đến ngày 11/9/2020, bị cáo Dương Văn S tiếp tục thực hiện hành vi khai thác khoáng sản (cát giồng) không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, cụ thể:

Vào khoảng tháng 8/2020, qua lời giới thiệu của ông Trương Văn H, bị cáo liên hệ mua và khai thác cát trên diện tích quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 02, diện tích 7.670m², tọa lạc tại ấp C, xã LNA, huyện TC, tỉnh Trà Vinh do bà Tăng Thị P và chồng là ông Thạch Ngọc A (đã chết) đứng tên quyền sử dụng đất với giá 140.000 đồng/chuyến xe. Đến ngày 11/9/2020, bị cáo thuê nhân công gồm: Sơn T điều khiển xe cuốc; Hứa Phước T1 điều khiển xe tải mang biển kiểm soát: 84C-028.57; Kim M1 điều khiển xe tải mang biển kiểm soát: 84C-052.13; Thạch L2 điều khiển xe tải mang biển kiểm soát: 84C-031.11 đến diện tích đất của bà Tăng Thị P tại ấp C, xã LNA để tiến hành khai thác và vận chuyển khối lượng cát đã khai thác đem bán cho ông Lai Chí D để san lấp công trình xây dựng lộ nông thôn tại ấp TX, xã KS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh do ông D làm thầu thi công với giá bán 650.000 đồng/chuyến. Khi đang tiến hành khai thác thì bị lực lượng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Trà Vinh kiểm tra, phát hiện, lập biên bản ghi nhận vụ việc vi phạm quả tang. Tại thời điểm kiểm tra, bị cáo không xuất trình được giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thời điểm này các nhân công đã khai thác được 12,612m³ cát giồng (khối lượng cát trên 03 xe tải được ghi nhận trong biên

bản vi phạm quả tang ngày 11/9/2020) và trước đó đã khai thác, vận chuyển 03 chuyến xe cát giồng đem bán cho ông Lai Chí D tại công trình xây dựng lộ nông thôn tại ấp TX, xã KS, huyện TC với tổng khối lượng là $15,5\text{m}^3$ (được ghi nhận trong biên bản thu giữ tang vật ngày 25/9/2020).

Theo Báo cáo kết quả khảo sát hiện trạng, xác định khối lượng tang vật vi phạm số: 34/BC-TTGD ngày 24/11/2020 của Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng thuộc Chi cục Giám định xây dựng Trà Vinh xác định khối lượng đất cát giồng như sau: Khối lượng đất cát giồng trên phương tiện tạm giữ (03 xe ô tô tải) là $9,73\text{m}^3$ và khối lượng đất cát giồng thu hồi là $8,63\text{m}^3$, tổng khối lượng đất cát giồng là $18,36\text{m}^3$. Việc xác định tổng khối lượng đất cát giồng còn lại là $18,36\text{m}^3$ là do: Khi xác định khối lượng đất cát giồng đã điều chỉnh phần hao hụt và lẫn tạp chất theo định mức.

Theo Báo cáo kết quả giám định vật liệu xây dựng số: 311220-1/BCGD-TTGD ngày 31/12/2020 của Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng tỉnh Đồng Tháp xác định: Khối lượng tài nguyên do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Trà Vinh trưng cầu giám định là loại cát giồng, hạt mịn.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 02/BKLĐGTS ngày 28/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự tỉnh Trà Vinh kết luận: Giá trị tài sản cát giồng, khối lượng $18,36\text{m}^3$ là 1.101.600 đồng.

Căn cứ Công văn số: 3004/STNMT-TTr ngày 17/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cung cấp thông tin thì thửa đất số 33, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp C, xã LNA, huyện TC, tỉnh Trà Vinh do hộ bà Tăng Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND tỉnh Trà Vinh không cấp phép khai thác cát giồng cho tổ chức, cá nhân tại vị trí thửa đất trên. Đồng thời, hành vi khai thác cát giồng tại vị trí thửa đất trên mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép là không đúng quy định.

Tại Công văn số: 61/UBND-NC, ngày 21/01/2021 của Ủy ban nhân dân huyện TC xác định: Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 02, diện tích 7.670m^2 (trong đó: Đất ở nông thôn 130m^2 , đất trồng cây lâu năm 7.540m^2) tọa lạc tại ấp C, xã LNA, huyện TC do ông Thạch Ngọc A và bà Tăng Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vị trí đất, cát giồng đã khai thác không nằm trong phần diện tích đất ở của gia đình bà Tăng Thị P.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Dương Văn S thừa nhận việc khai thác cát giồng trên diện tích đất của bà Tăng Thị P là không có giấy phép khai thác khoáng sản do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp; đồng thời, bị cáo sử dụng tư cách cá nhân để thực hiện hành vi trên, không liên quan đến doanh nghiệp (Công ty TNHH xây dựng, thương mại SD) do bị cáo làm Giám đốc. Bị cáo

nhận thức được việc không có giấy phép khai thác khoáng sản do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp mà vẫn khai thác là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì mục đích tư lợi nên bị cáo vẫn thực hiện việc khai thác cát trái phép.

Căn cứ vào khối lượng tài nguyên mà Dương Văn S khai thác trái phép, mặc dù chưa đủ định lượng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015, nhưng do bị cáo S đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này, khi chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính mà lại tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm nên phải bị xử lý về trách nhiệm hình sự.

Đối với những người có liên quan gồm: Hứa Phước T1, Thạch L2, Kim M1, Sơn T và Trương Văn H, trong quá trình điều tra xác định: Chưa có tiền án, tiền sự về hành vi khai thác khoáng sản không có giấy phép khai thác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, những người này chỉ là người làm thuê, được bị cáo trả tiền công từ 15.000 đồng đến 50.000 đồng/01 chuyến xe vận chuyển cát khi hoàn tất; các đối tượng này hoàn toàn không biết việc khai thác cát giống trên là không có giấy phép khai thác. Riêng Sơn T biết bị cáo thực hiện việc khai thác cát giống không có giấy phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên buộc phải thực hiện. Xét thấy: Hành vi của Hứa Phước T1, Thạch L2, Kim M1, Sơn T và Trương Văn H chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Trà Vinh đã có Công văn số: 135/CSKT ngày 28/4/2021 (kèm theo hồ sơ, tài liệu) đề nghị Phòng cảnh sát môi trường Công an tỉnh Trà Vinh xem xét xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản. Đến ngày 07/5/2021, Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 01/QĐ-XPHC ngày 07/5/2021 đối với Sơn T với số tiền 4.000.000 đồng. Còn lại: Trương Văn H, Hứa Phước T1, Kim M1, Thạch L2 chưa đủ căn cứ để xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với bà Tăng Thị P và ông Lai Chí D, xét thấy: Không đủ căn cứ để xem xét xử lý trách nhiệm có liên quan.

Tang vật thu giữ: Cát giồng khối lượng 18,36m³ (mười tám phẩy ba mươi sáu mét khối); 01 (một) xe ô tô tải đã qua sử dụng, màu sơn xanh, biển kiểm soát 84C-028.57, nhãn hiệu THACO, số máy: 0D10F1F00103, số khung: 00BCFC047650; 01 (một) xe ô tô tải đã qua sử dụng, màu sơn xanh, biển kiểm soát 84C-031.11, nhãn hiệu THACO, số máy: 0D10F1E01186, số khung: 00BCFC049974; 01 (một) xe ô tô tải đã qua sử dụng, màu sơn xanh, biển kiểm soát 84C-052.13, nhãn hiệu FORLAND, số máy: 3D10F1H20115, số khung: 50ACHC034060; 01 (một) xe cuốc đã qua sử dụng, không có số hiệu đăng ký, không còn nhãn hiệu, màu sơn vàng và trên thân xe có gắn ký hiệu XA-0026, động cơ của xe nhãn hiệu ISUZU, có 04 xi lanh (pít tông).

Tại Cáo trạng số: 22/CT-VKS-P1 ngày 04/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Dương Văn S về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, khung hình phạt bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2021/HS-ST ngày 08/10/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Dương Văn S phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Văn S 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về tang vật thu giữ: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước các tang vật của vụ án gồm: Cát giồng khối lượng 18,36m³ (mười tám phẩy ba mươi sáu mét khối); 01 (một) xe ô tô tải đã qua sử dụng, màu sơn xanh, biển kiểm soát 84C-028.57, nhãn hiệu THACO, số máy: 0D10F1F00103, số khung: 00BCFC047650; 01 (một) xe ô tô tải đã qua sử dụng, màu sơn xanh, biển kiểm soát 84C-031.11, nhãn hiệu THACO, số máy: 0D10F1E01186, số khung: 00BCFC049974; 01 (một) xe ô tô tải đã qua sử dụng, màu sơn xanh, biển kiểm soát 84C-052.13, nhãn hiệu FORLAND, số máy: 3D10F1H20115, số khung: 50ACHC034060; 01 (một) xe cuốc đã qua sử dụng, không có số hiệu đăng ký, không còn nhãn hiệu, màu sơn vàng và trên thân xe có gắn ký hiệu XA-0026, động cơ của xe nhãn hiệu ISUZU, có 04 xi lanh (pít tông).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 27/10/2021, bị cáo Dương Văn S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do xét xử không đúng tội danh. Bị cáo chỉ là người làm thuê, dùng xe cuốc đất hạ thấp mặt bằng ruộng cho bà Tăng Thị P, cải tạo đất nông nghiệp của bà P và dùng xe ô tô tải chở phân đất thừa mang đi để bà P sạ lúa vụ Đông-Xuân.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Dương Văn S vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Bị cáo Dương Văn S kháng cáo nhưng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, tuy nhiên có Luật sư bào chữa cho bị cáo tham gia phiên tòa. Hơn nữa, việc vắng mặt bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử nên thuộc trường hợp Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Dương Văn S phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, là đúng người, đúng tội; mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo S là phù hợp, tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo S kháng cáo nhưng không có tình tiết, tài liệu mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Dương Văn S phát biểu tranh luận:

Bị cáo Dương Văn S kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án là đúng, vì bà Tăng Thị P có trong danh sách hộ dân có nhu cầu cần cải tạo đất nông nghiệp được sự đồng ý của UBND xã LNA và bà P cũng đã có Tờ trình về việc này. Để cải tạo đất nông nghiệp nên bà P thuê bị cáo hạ độ cao chứ không phải bị cáo khai thác cát. Mặt khác, cấp sơ thẩm chưa làm rõ được việc bà P thuê cá nhân bị cáo S hay thuê Công ty TNHH xây dựng, thương mại SĐ do bị cáo làm Giám đốc. Biên bản ghi nhận vụ việc vi phạm quả tang được lập không hợp lệ về thời gian đo đạc cát và khối lượng cát. Thêm nữa, việc xử lý tang vật của vụ án là các xe ô tô tải và xe cuốc của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng với Luật Hôn nhân và gia đình vì đây là tài sản chung của vợ chồng chứ không phải tài sản riêng của bị cáo S.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm trình bày đối đáp:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Dương Văn S phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, là đúng người, đúng tội theo quy định pháp luật. Quyết định xử lý vật chứng vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bị cáo Dương Văn S nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Văn S vắng mặt. Theo “Đơn thỉnh cầu V/v xin hoãn phiên tòa” đề ngày 14/02/2022 của ông Dương Tấn Đ trình bày, bị cáo S hiện nay đang điều trị bệnh tại Bệnh viện Nhân dân 115. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, việc vắng mặt bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử, bị cáo có Luật sư bào chữa tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo Dương Văn S:

[2.1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định:

Ngày 12/12/2019, bị cáo Dương Văn S đã thực hiện hành vi khai thác khoáng sản (cát) không có giấy phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và bị Công an huyện TC, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng theo Quyết định xử phạt số: 205/QĐ-XPHC ngày 18/12/2019.

Trong khi Quyết định xử phạt số: 205/QĐ-XPHC ngày 18/12/2019 của Công an huyện TC, tỉnh Trà Vinh chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt xử phạt vi phạm hành chính thì đến ngày 11/9/2020, bị cáo Dương Văn S tiếp tục thuê nhân công gồm: Sơn T điều khiển xe cuốc, Hứa Phước T1 điều khiển xe tải mang biển kiểm soát: 84C-028.57, Kim M1 điều khiển xe tải mang biển kiểm soát: 84C-052.13, Thạch L2 điều khiển xe tải mang biển kiểm soát: 84C-031.11 đến khai thác cát tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 02, diện tích 7.670m², tọa lạc tại ấp C, xã LNA, huyện TC, tỉnh Trà Vinh do bà Tăng Thị P và chồng là ông Thạch Ngọc A (đã chết) đứng tên quyền sử dụng đất, do trước đó bị cáo đã liên hệ mua khai thác với bà P với giá 140.000 đồng/chuyến xe, rồi vận chuyển khối lượng cát đã khai thác đem bán cho ông Lai Chí D để san lấp công trình xây dựng lộ nông thôn tại ấp TX, xã KS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh do ông D làm thầu thi công, với giá bán 650.000 đồng/chuyến. Khi đang tiến hành khai thác thì bị lực lượng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Trà Vinh kiểm tra, phát hiện,

lập biên bản ghi nhận vụ việc vi phạm quả tang. Tại thời điểm kiểm tra, bị cáo không xuất trình được giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo Báo cáo kết quả khảo sát hiện trạng, xác định khối lượng tang vật vi phạm số: 34/BC-TTGD ngày 24/11/2020 của Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng thuộc Chi cục Giám định xây dựng Trà Vinh xác định khối lượng đất cát giồng như sau: Khối lượng đất cát giồng trên phương tiện tạm giữ (03 xe ô tô tải) là $9,73\text{m}^3$ và khối lượng đất cát giồng thu hồi là $8,63\text{m}^3$, tổng khối lượng đất cát giồng là $18,36\text{m}^3$.

Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Dương Văn S phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, là có căn cứ, đúng người và đúng tội theo quy định pháp luật.

Bị cáo Dương Văn S kháng cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do xét xử không đúng tội danh, là không có cơ sở.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo như trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trái pháp luật đến quy định về khai thác tài nguyên khoáng sản do Nhà nước quản lý. Bị cáo biết hành vi khai thác tài nguyên (cát) là vi phạm pháp luật, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này nhưng bị cáo vẫn cố ý tiếp tục thực hiện, thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo, dư luận xã hội bất bình và lên án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đủ đảm bảo giáo dục, cải tạo riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo đúng quy định pháp luật, cụ thể gồm: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã thành thật khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo chưa có tiền án và hiện là người cao tuổi, bản thân bị cáo là người có công với cách mạng, để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đầy đủ cho bị cáo.

[3] Về tang vật thu giữ của vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm xử lý theo đúng quy định về xử lý vật chứng tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Từ những nhận định nêu trên xét thấy, kháng cáo của bị cáo Dương Văn S là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với ý kiến,

quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo S; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Những ý kiến, quan điểm đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Dương Văn S tại phiên tòa phúc thẩm, do không phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm, nên không được chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Dương Văn S phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Các quyết định khác của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Văn S; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2021/HS-ST ngày 08/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh:

Tuyên bố bị cáo Dương Văn S phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*”;

1.1. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Văn S 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

1.2. Về tang vật thu giữ: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước các tang vật của vụ án gồm: Cát giồng khối lượng 18,36m³ (mười tám phẩy ba mươi sáu mét khối); 01 (một) xe ô tô tải đã qua sử dụng, màu sơn xanh, biển kiểm soát 84C-028.57, nhãn hiệu THACO, số máy: 0D10F1F00103, số khung: 00BCFC047650; 01 (một) xe ô tô tải đã qua sử dụng, màu sơn xanh, biển kiểm soát 84C-031.11, nhãn hiệu THACO, số máy: 0D10F1E01186, số khung: 00BCFC049974; 01 (một) xe ô tô tải đã qua sử dụng, màu sơn xanh, biển kiểm soát 84C-052.13, nhãn hiệu FORLAND, số máy: 3D10F1H20115, số khung: 50ACHC034060; 01 (một) xe cuốn đã qua sử dụng, không có số hiệu đăng ký, không còn nhãn hiệu, màu sơn

vàng và trên thân xe có gắn ký hiệu XA-0026, động cơ của xe nhãn hiệu ISUZU, có 04 xi lanh (pít tông).

2- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Dương Văn S phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

3- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 16 tháng 02 năm 2022.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- Công an tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh